

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2021/DS-ST  
Ngày: 14-9-2021  
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự,  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lâm Thị Ngọc Giàu;
2. Bà Dương Thị Thúy Duy.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 385/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 695/2021/TB-TA ngày 06 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 744/2021/TB-TA ngày 03 tháng 8 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 789/2021/TB-TA ngày 20 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Ông Trương Văn S, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: Tổ 10, ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

***Bị đơn:*** Ông Đặng Ngọc V, sinh năm 1977 và bà Trần Thị Bé T, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Tổ 10, ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H cùng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T cùng vắng mặt không rõ lý do.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trương Văn S, bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Đặng Ngọc V, bà Trần Thị Bé T có quan hệ với nhau là họ hàng. Vào ngày 30 tháng 7 năm 2019 (Âm lịch), ông S, bà H có cho ông V, bà Bé T vay với số tiền 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng để trồng sắn, việc vay mượn có làm biên nhận. Bà Bé T, ông V hứa hẹn đến khi bán sắn sẽ trả nợ nhưng sau khi bán sắn vợ chồng ông V, bà Bé T vẫn chưa thanh toán nợ cho ông S, bà H.

Ngày 30/9/2019 (Âm lịch), ông S, bà H có đòi lại khoản tiền mà ông V, bà Bé T đã vay, vợ chồng ông V, bà Bé T hứa trả nhưng đến nay vẫn chưa trả. Do đó, ông S, bà V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T có trách nhiệm hoàn trả khoản nợ với số tiền 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 20/4/2021, ông Đặng Ngọc V trình bày: Ông V thống nhất với lời trình bày của ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H theo Thông báo thụ lý vụ án số 199/TB-TLVA ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Phú. Ông V và ông S, bà H có quan hệ với nhau là họ hàng. Vào ngày 30/7/2019 (Âm lịch), ông V và vợ là bà Trần Thị Bé T có thỏa thuận vay của ông Trương Văn S, bà Nguyễn Thị Lệ H với số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng để trồng sắn. Sau khi thỏa thuận thì bà Bé T là người qua nhận tiền, khi vay có làm biên nhận, ông V và bà Bé T cùng ký tên trong biên nhận, thỏa thuận đến khi bán sắn sẽ thanh toán nợ cho ông S và bà H. Tuy nhiên, sau khi bán sắn do nợ nần nhiều nên ông V trả nợ cho những người khác, khoản nợ của ông S, bà H thì khất lại. Ngày 30/9/2019 (Âm lịch), ông S, bà H có đòi lại khoản tiền mà ông V, bà Bé T đã vay nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông V, bà Bé T chỉ hứa trả và đến nay vẫn chưa trả. Do đó, ông V thống nhất còn nợ lại ông S, bà H số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng và đồng ý hoàn trả số tiền này, nhưng do hoàn cảnh gia đình hiện nay gặp khó khăn nên yêu cầu được trả dần cho đến khi dứt nợ. Đối với “Giấy mượn tiền” ngày 30/7/2019 (Âm lịch) mà ông S và bà H cung cấp cho Tòa án, sau khi công khai tài liệu, chứng cứ, ông V xác nhận chữ ký và chữ viết trong “Giấy mượn tiền” này là chữ ký và chữ viết tên của ông V và vợ là bà Trần Thị Bé T.

Ngày 20/4/2021, Tòa án đã triệu tập ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Trần Thị Bé T vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Bé T. Ông Đặng Ngọc V có mặt và thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H, đồng ý hoàn trả số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng và yêu cầu được trả dần cho đến khi dứt nợ. Thống nhất chữ ký và chữ viết tên trong “Giấy mượn tiền” ngày 30/7/2019 (Âm lịch) mà ông S và bà H cung cấp cho Tòa án là chữ ký và chữ viết tên của ông V và vợ là bà Trần Thị Bé T.

Tòa án ban hành Thông báo về việc yêu cầu giao nộp bản tự khai và tài liệu, chứng cứ số 453/2021/TB-TA ngày 29 tháng 4 năm 2021 để bị đơn bà Trần Thị Bé T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Ông Đặng Ngọc V giao nộp “Tờ tường trình ngày 11/5/2021” qua đường bưu điện. Theo nội dung Tờ tường trình, ông V không đồng ý vay nợ ông S số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng, cho rằng đã đóng lãi cho ông S, bà H và người thân mỗi tháng với tổng số tiền khoảng 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng. Đồng thời, ông V cho rằng chỉ vay của ông S và người thân với số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, ông S tự tính thêm 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng lãi suất, ông V cũng không đồng ý với biên bản ghi lời khai tại Tòa án và yêu cầu gia hạn, hoãn thời gian triệu tập đến Tòa án.

Tòa án ban hành Thông báo về việc yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ số 454/2021/TB-TA ngày 18 tháng 5 năm 2021 để bị đơn ông Đặng Ngọc V thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời triệu tập ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V, bà Bé T đều vắng mặt không rõ lý do. Ngày 03/6/2021, Tòa án tiếp tục triệu tập ông V, bà Bé T để tham gia đối chất nhưng ông V, bà Bé T tiếp tục vắng mặt không rõ lý do, ông V và bà Bé T cũng không cung cấp bản tự khai và tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Về tài liệu, chứng cứ:

Các tài liệu, chứng cứ do ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H giao nộp: Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ mang tên Trương Văn S; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trương Văn S; bản photo Giấy mượn tiền ngày 30/7/2019 (Âm lịch); bản chính Đơn yêu cầu ngày 10/7/2021.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Trần Thị Bé T giao nộp: Không.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Đặng Ngọc V giao nộp: Bản photo Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Ngọc V và Trần Thị Bé T; bản chính Tờ tường trình ngày 11/5/2021 mang tên Đặng Ngọc V.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai ông Đặng Ngọc V ngày 20/4/2021; biên bản về kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cùng ngày 20/4/2021.

Tại phiên tòa, do ông Trương Văn S, bà Nguyễn Thị Lệ H, ông Đặng Ngọc V, bà Trần Thị Bé T cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H, buộc ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T phải chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông S, bà H số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng, không xem xét lãi suất do ông S, bà H không yêu cầu. Về án phí sơ thẩm, do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông S và bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông V và bà Bé T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Về quyền khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng: Do không hoàn trả tiền vay như thỏa thuận, ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T phải chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông S, bà H số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) và không tính lãi suất. Căn cứ Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H là nguyên đơn, ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T là bị đơn.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông V và bà Bé T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông V và bà Bé T đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:**

Ông Trương Văn S, bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Đặng Ngọc V, bà Trần Thị Bé T đều là cá nhân, không đăng ký kinh doanh nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, là tranh chấp dân sự theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T cùng cư trú tại: Tổ 10, ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang nên căn cứ các điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

### [3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về đánh giá chứng cứ: Ông Đặng Ngọc V, bà Trần Thị Bé T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án và cũng không giao nộp văn bản nêu rõ lý do vắng mặt. Ông Đặng Ngọc V có cung cấp lời khai cho Tòa án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 20/4/2021, ông V cũng giao nộp “Tờ tường trình ngày 11/5/2021” được gửi qua đường bưu điện nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình theo nội dung “Tờ tường trình ngày 11/5/2021” là có căn cứ và hợp pháp. Tòa án cũng đã ban hành Thông báo về việc yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ số 454/2021/TB-TA ngày 18 tháng 5 năm 2021 để ông V thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng ông V không thực hiện.

Bà Trần Thị Bé T vắng mặt không rõ lý do khi Tòa án triệu tập ngày 20/4/2021 và ngày 18/5/2021, bà Bé T cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông S, bà H và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để thể hiện việc phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu của ông S, bà H mặc dù Tòa án đã ban hành Thông báo về việc yêu cầu giao nộp bản tự khai và tài liệu, chứng cứ số 453/2021/TB-TA ngày 29 tháng 4 năm 2021 để bà Bé T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T đều vắng mặt khi Tòa án triệu tập để tham gia đối chất với ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H vào ngày 03/6/2021, đồng thời cũng không cung cấp văn bản để nêu rõ lý do vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Vì vậy, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do ông S, bà H giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

### [3.2] Về nội dung tranh chấp:

Theo nội dung “Giấy mượn tiền ngày 30/7/2019 (Âm lịch)” mà ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H cung cấp cho Tòa án, thể hiện việc ông Trương Văn S có cho vợ chồng ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T vay số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng, kèm theo số điện thoại: 0949459299 và 0385986238, có chữ ký và chữ viết tên của ông Trương Văn S, ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T. Theo biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải cùng ngày 20/4/2021, ông Đặng Ngọc V thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý hoàn trả số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng theo như yêu cầu của nguyên đơn; đồng thời, ông V không có ý kiến đối với các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, xác nhận đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không giao nộp bổ sung gì khác theo biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/4/2021.

Ông Đặng Ngọc V giao nộp “Tờ tường trình ngày 11/5/2021” được gửi qua đường bưu điện, theo nội dung tờ tường trình ông V không đồng ý vay nợ ông S số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng, cho rằng chỉ vay của ông S và người thân số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, không đồng ý với

biên bản ghi lời khai tại Tòa án và yêu cầu gia hạn, hoãn thời gian triệu tập đến Tòa án nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp. Bà Trần Thị Bé T vắng mặt không rõ lý do khi Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt không rõ lý do khi Tòa án triệu tập để tham gia đối chất. Bà Bé T cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông S, bà H và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để thể hiện việc phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu của ông V theo nội dung “Tờ tường trình ngày 11/5/2021”.

Vì vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 92, 93 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét “Giấy mượn tiền ngày 30/7/2019 (Âm lịch)”, biên bản ghi lời khai ông Đặng Ngọc V ngày 20/4/2021, biên bản hòa giải và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng ngày 20/4/2021 và đánh giá đây là các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H là có căn cứ và hợp pháp.

[3.3] Đối với lãi suất vay mà các bên thỏa thuận:

Theo “Giấy mượn tiền ngày 30/7/2019 (Âm lịch)”, không thể hiện thỏa thuận về lãi suất vay. Ông Trương Văn S, bà Nguyễn Thị Lệ H, ông Đặng Ngọc V cũng không trình bày đối với lãi suất mà các bên thỏa thuận, thống nhất khoản nợ gốc 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng. Ông S, bà H chỉ yêu cầu hoàn trả nợ gốc không yêu cầu tính lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với lãi suất vay.

[3.4] Đối với yêu cầu ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T phải chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền đã vay:

Ông Trương Văn S, bà Nguyễn Thị Lệ H xác định ông Đặng Ngọc V, bà Trần Thị Bé T cùng vay số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng, mục đích vay là để trồng sắn, ông V và bà Bé T cùng ký tên và ghi rõ họ tên trong “Giấy mượn tiền ngày 30/7/2019 (Âm lịch)”. Theo biên bản ghi lời khai ngày 20/4/2021, ông Đặng Ngọc V xác nhận mục đích vay là để trồng sắn, người nhận tiền là bà Trần Thị Bé T, chữ ký và chữ viết ghi họ tên trong “Giấy mượn tiền ngày 30/7/2019 (Âm lịch)” là chữ ký và chữ viết của ông V và vợ là bà Trần Thị Bé T. Do đó, căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T phải chịu trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H.

[3.5] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H về việc buộc ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T phải chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền vay 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng cho ông S và bà H và không tính lãi suất.

[3.6] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T phải chịu án phí đối với yêu cầu của ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H được Tòa án chấp nhận.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo:

Ông Trương Văn S, bà Nguyễn Thị Lệ H, ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 70, 72, 91, 92, 93, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H.

1.1. Buộc ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T phải liên đới chịu trách nhiệm hoàn trả cho ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

2.1. Ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T phải chịu 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại cho ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ H số tiền 4.250.000 (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2019/0007049 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**2.3. Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.**

3. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt ông Trương Văn S, bà Nguyễn Thị Lệ H, ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, ông Trương Văn S, bà Nguyễn Thị Lệ H, ông Đặng Ngọc V và bà Trần Thị Bé T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Phạm Tuân**